

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 370 /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1

“2. Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm có sở và cơ quan tương đương sở (sau đây gọi chung là sở); cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã gồm có phòng và cơ quan tương đương phòng (sau đây gọi chung là phòng).

Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu trong trường hợp đặc thù thực hiện theo quy định của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu trong trường hợp đặc thù”.

Điều 2. Bổ sung khoản 2a Điều 2

“2a. Xác định số lượng cấp phó trong cơ quan, tổ chức phải bảo đảm nguyên tắc số lượng cấp phó trong một tổ chức trực thuộc tối đa không vượt quá số lượng cấp phó của tổ chức cấp trên trực tiếp. Các cơ quan, tổ chức cùng cấp thì số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức không có tổ chức bên trong tối đa không vượt quá số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức có tổ chức bên trong”.

VĂN PHÒNG UBND TP HÀI PHÒNG		
ĐẾN	Số: 3	Ngày: 01/01/2026
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		
ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT L.N.Châu	X	
PCT TT L.A.Quân		
PCT V.T.Phụng		
PCT L.T.Kiên		
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		
PCT H.M.Cường		
CVP H.V.Thực		X
PCVP N.H.Long		
PCVP T.V.Thiện	X	
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		X
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 4

“11. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng; phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6

“Điều 6. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở và số lượng cấp phó của các tổ chức thuộc sở

Tại thời điểm sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp thực hiện đúng quy định, cụ thể như sau:

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở

a) Người đứng đầu sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Giám đốc sở) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cấp phó của người đứng đầu sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Phó Giám đốc sở) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc sở, giúp Giám đốc sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở ủy quyền thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của sở. Phó Giám đốc sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Số lượng Phó Giám đốc sở

a) Số lượng Phó Giám đốc sở được bố trí bình quân 03 người/sở;

b) Các sở thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng Phó Giám đốc sở được tăng thêm 01 người hoặc khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng Phó Giám đốc sở được tăng thêm 02 người so với số lượng Phó Giám đốc sở quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Trường hợp sở thực hiện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì số lượng Phó Giám đốc sở sau hợp nhất, sáp nhập được tăng thêm 01 người;

d) Trường hợp sở thực hiện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền và tiếp tục thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng Phó Giám đốc sở được tăng thêm 02 người hoặc hợp nhất, sáp nhập 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng Phó Giám đốc sở được tăng thêm 03 người so với số lượng Phó Giám đốc sở quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

đ) Trường hợp các sở đặc thù không thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng Phó Giám đốc sở thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

e) Đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Ngoài tổng số lượng Phó Giám đốc theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này thì được tăng thêm không quá 10 Phó Giám đốc;

g) Căn cứ vào tiêu chí, nguyên tắc xác định số lượng cấp phó quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định tổng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và quyết định số lượng cấp phó cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền.

3. Số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở

a) Phòng thuộc sở có dưới 10 biên chế công chức được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; có từ 10 đến 14 biên chế công chức được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng; có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng;

b) Các phòng thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập các sở theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này thì số lượng Phó Trưởng phòng được tăng thêm như điều chỉnh đối với số lượng Phó Giám đốc sở quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này so với số lượng Phó Trưởng phòng của phòng có số lượng cấp phó cao nhất được xác định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

4. Số lượng Phó Chánh Văn phòng sở được thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Số lượng Phó Chi cục trưởng thuộc sở

a) Chi cục thuộc sở có từ 01 đến 03 phòng và tương đương được bố trí 01 Phó Chi cục trưởng; không có phòng hoặc có từ 04 phòng và tương đương trở lên được bố trí không quá 02 Phó Chi cục trưởng;

b) Các chi cục thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập các sở theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này thì số lượng Phó Chi cục trưởng được tăng thêm như đối với Phó Trưởng phòng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

6. Số lượng Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Các phòng thuộc chi cục thuộc sở thực hiện hợp nhất, sáp nhập cùng với việc hợp nhất, sáp nhập sở theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này thì số lượng Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở sau hợp nhất, sáp nhập được tăng thêm như điều chỉnh đối với số lượng Phó Giám đốc sở quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này so với số lượng Phó Trưởng phòng của phòng có số lượng cấp phó cao nhất được xác định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11

“1. Phòng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Phòng có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

“Điều 13. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu phòng

1. Người đứng đầu phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là Trưởng phòng) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng.

2. Cấp phó của người đứng đầu phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là Phó Trưởng phòng) là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của phòng.

3. Số lượng Phó Trưởng phòng

a) Số lượng Phó Trưởng phòng được tính trên nguyên tắc bình quân 02 cấp phó/phòng.

b) Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và số lượng phòng chuyên môn được thành lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn thuộc phạm vi quản lý.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định của pháp luật”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Lĩnh vực Văn phòng, gồm: Chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; tham mưu hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân; công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cung cấp thông tin, bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin, gồm: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; in; phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Điều 16

“Điều 16. Khung số lượng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Căn cứ các nhóm ngành, lĩnh vực được quy định tại Điều 15 Nghị định này và các tiêu chí về phân loại đơn vị hành chính, quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển, điều kiện kinh tế - xã hội, phân cấp, phân quyền giữa các cấp chính quyền địa phương và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn được áp dụng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm không vượt quá bình quân 4,5 tổ chức (bao gồm: các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công) trên 01 đơn vị hành chính cấp xã; riêng thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh bảo đảm không vượt quá bình quân 4,7 tổ chức (bao gồm: các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công) trên 01 đơn vị hành chính cấp xã.

2. Việc quyết định thành lập các phòng chuyên môn do chính quyền địa phương cấp xã quyết định. Trường hợp các đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì bố trí các công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực theo quy định.

3. Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định của Chính phủ”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19

“1. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng sở phù hợp với hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng Phó Giám đốc của từng sở phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và các tiêu chí quy định tại Nghị định này; quyết định khung số lượng, tên gọi và chức năng các phòng chuyên môn được áp dụng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20

“3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở và đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 21

“Điều 21. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ quản lý ngành, lĩnh vực; căn cứ số lượng phòng chuyên môn được thành lập và số lượng Phó Trưởng phòng bình quân của phòng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13, quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy quyền thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

4. Hằng năm, báo cáo với Hội đồng nhân dân cấp xã (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức và hoạt động của phòng chuyên môn.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23

“Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp và áp dụng

1. Đối với nội dung điều chuyển chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan liên quan đến thủ tục hành chính thì thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ;

b) Các trường hợp đã được thẩm định, chấp thuận, phê duyệt, cấp giấy chứng nhận, giấy phép, chứng chỉ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục sử dụng theo các văn bản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trường hợp có thời hạn thì thực hiện đến khi hết hạn. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi thì thực hiện theo nhiệm vụ phân công theo quy định tại Nghị định này và quy định có liên quan.

2. Sở đã thực hiện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 thì số lượng Phó Giám đốc sở thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6. Sở đã thực hiện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và tiếp tục thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì số lượng Phó Giám đốc sở được áp dụng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

3. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục thuộc sở và phòng thuộc chi cục thuộc sở đã thực hiện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 thì số lượng Phó Trưởng phòng, Phó Chi cục trưởng, Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở được điều chỉnh tăng thêm như quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 6 Điều 6. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục thuộc sở và phòng thuộc chi cục thuộc sở đã thực hiện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và tiếp tục thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì số lượng Phó Trưởng phòng, Phó Chi cục trưởng, Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở được điều chỉnh tăng thêm như quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 6 Điều 6 Nghị định này.

4. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, thì tiếp tục rà soát, sắp xếp số lượng cấp phó bảo đảm đến hết năm 2030 số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định này”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 24

“Điều 24. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026”.

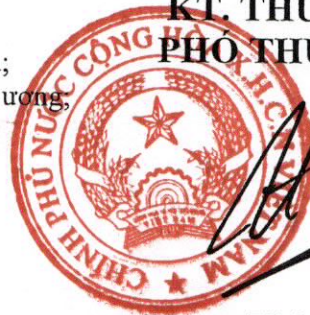
Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng; Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b). *bt*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Thị Thanh Trà